

RESTRUCTURING FISHERY BY SECTOR IN CA MAU PROVINCE FROM 2000 TO 2022

Pham Thi Binh^{1*}, Tran Pho Nop²

¹Ho Chi Minh City University of Education

²Nguyen Thi Minh Khai Highschool, Ca Mau

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	11/3/2024	This paper investigates the reality of fishery structural transformations of Ca Mau province. By analyzing secondary data, the paper clarifies the transformations in aquaculture sector of Ca Mau province over the last 20 years. With the implementation of the Resolution No. 09/2000/NQ-CP, the structure of Ca Mau's fishery industry has shifted considerably in a positive direction. The transformations of aquaculture clearly represented in two sectors, including aquaculture and fishing. In aquaculture sector, the structure of traditional aquatic area made up the highest proportion. The main product was shrimp. In fishing sector, the proportion of offshore fishing vessels was higher than coastal ones and increased slowly. The main product was fish. However, the fishing industry of Ca Mau had some limitations on the structure of types of aquatic products, insufficient offshore fishing vessels, poor aquaculture service sector. Overcoming these shortcomings means carrying out suitable solutions to foster the aquaculture industry of Ca Mau move forwards to sustainable development.
Revised:	14/5/2024	
Published:	14/5/2024	
KEYWORDS		
Fishery		
Restructuring		
Farming		
Fishing		
Ca Mau		

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU THỦY SẢN THEO NGÀNH Ở TỈNH CÀ MAU, GIAI ĐOẠN 2000- 2022

Phạm Thị Bình^{1*}, Trần Phó Nốp²

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

²Trường Phổ thông trung học Nguyễn Thị Minh Khai, Cà Mau

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	11/3/2024	Bài báo này nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản tỉnh Cà Mau. Bằng việc phân tích những dữ liệu thứ cấp thu thập được, bài báo làm rõ những thay đổi, chuyển biến trong cơ cấu ngành thủy sản Cà Mau hơn 20 năm qua. Với việc thực hiện Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP, cơ cấu ngành thủy sản Cà Mau đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực. Sự chuyển dịch của ngành thủy sản thể hiện rõ trong các phân ngành nuôi trồng và đánh bắt. Trong ngành nuôi trồng, cơ cấu diện tích nuôi trồng quảng canh truyền thống chiếm tỷ lệ lớn với thủy sản chủ lực là tôm. Trong ngành đánh bắt, tỷ lệ tàu đánh bắt xa bờ cao hơn nuôi trồng, nhưng tăng chậm với thủy sản chiếm tỷ trọng cao là cá. Tuy nhiên, ngành thủy sản Cà Mau còn những hạn chế về cơ cấu đối tượng nuôi, thiếu trang thiết bị trong ngành đánh bắt xa bờ, phân ngành dịch vụ thủy sản kém phát triển. Khắc phục được những tồn tại này chính là thực hiện những giải pháp thúc đẩy ngành thủy sản Cà Mau hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.
Ngày hoàn thiện:	14/5/2024	
Ngày đăng:	14/5/2024	
TỪ KHÓA		
Thủy sản		
Chuyển dịch cơ cấu		
Nuôi trồng		
Đánh bắt		
Cà Mau		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9873>

* Corresponding author. Email: binhpt@hcmue.edu.vn

1. Giới thiệu

Thủy sản (TS) là ngành phát triển từ rất sớm và hiện đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia giáp biển. Ngành TS gồm ba phân ngành: nuôi trồng (NT), đánh bắt và dịch vụ TS. Chuyển dịch cơ cấu (CDCC) ngành TS là sự vận động chuyển dịch vai trò, vị trí của các phân ngành NT, đánh bắt và dịch vụ TS. Sự chuyển dịch này thể hiện qua sự thay đổi về tỷ trọng của các phân ngành và mối quan hệ tương hỗ giữa chúng để phù hợp với điều kiện thực tế.

Cà Mau là tỉnh có nhiều lợi thế để phát triển ngành TS do: có ba mặt giáp biển, đường bờ biển dài, các bãi triều rộng, rừng ngập mặn, mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, người dân có nhiều kinh nghiệm trong NT và đánh bắt TS, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng,... Những năm qua, giá trị sản xuất (GTSX) ngành TS Cà Mau ngày càng tăng: 6.047,737 tỷ đồng (2005), 12.658,105 tỷ đồng (2015), hơn 26.000 tỷ đồng (2022) tính theo giá hiện hành [1]. TS trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế Cà Mau. Ngành TS cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu nhiều sản phẩm có giá trị. Hiện Cà Mau có 38 nhà máy chế biến và xuất khẩu TS, với công suất trên 200 nghìn tấn/năm. Năm 2022, giá trị xuất khẩu tôm đạt 1,1 tỷ USD (chiếm 25,5% giá trị xuất khẩu tôm cả nước). Ngành TS phát triển đã tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Đến năm 2022, ngành TS có tác động đến đời sống của khoảng 50% dân số toàn tỉnh, giải quyết việc làm trực tiếp cho trên 350 nghìn lao động (riêng nuôi tôm khoảng 300 nghìn người), chiếm 29,0% dân số và 58,6% lao động của tỉnh. Với 38 nhà máy chế biến TS, hơn 20 nghìn lao động có mức thu nhập trung bình trên 8 triệu đồng/tháng [2]. Từ năm 2000, Cà Mau đã thực hiện chính sách chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Các chính sách hỗ trợ ngư dân về vốn góp phần thúc đẩy sự CDCC ngành TS ở Cà Mau [3]. Vì vậy, việc nghiên cứu về ngành TS nói chung và CDCC nội ngành TS là cần thiết.

Tuy nhiên, nghiên cứu về CDCC trong phân ngành TS còn hạn chế. Cụ thể: hầu hết các công bố đã có về CDCC trong ngành nông nghiệp tập trung vào các khía cạnh như: CDCC các ngành kinh tế (công nghiệp – nông nghiệp - dịch vụ) [4], CDCC nội ngành nông nghiệp (trồng trọt – chăn nuôi – dịch vụ nông nghiệp) [5], [6] - [8]. Thủy sản là một phân ngành trong ngành chăn nuôi. CDCC ngành thủy sản nói chung và nội ngành thủy sản nói riêng của cả nước và các tỉnh có sự khác biệt rất lớn cần quan tâm. Với những tỉnh giáp biển, nhiều tiềm năng để phát triển đủ ba phân ngành gồm: nuôi trồng - đánh bắt - dịch vụ thủy sản như Cà Mau, CDCC nội ngành thủy sản càng cần được quan tâm hơn nữa, nhất là khi các chính sách hỗ trợ của chính quyền các cấp đã được thực thi. Vì vậy, bài báo này sẽ nghiên cứu, phân tích những vấn đề thực tiễn về CDCC nội ngành TS tại tỉnh Cà Mau, góp phần bổ sung nguồn tư liệu về lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu ngành TS.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu này là tiếp cận định lượng. Tất cả các nhận định, kết luận, giải pháp đưa ra đều dựa vào kết quả phân tích số liệu thống kê đã thu thập được.

Phương pháp thu thập thông tin: Dữ liệu thứ cấp sử dụng trong bài báo được thu thập trong giai đoạn 2000-2022 từ Niên giám thống kê các cấp, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cà Mau, Cục Thống kê Tỉnh Cà Mau, phòng Nông nghiệp các huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu,

Phương pháp tổng hợp, xử lý thông tin: được sử dụng để phân loại, sắp xếp theo các nhóm nội dung cần phân tích nhằm làm rõ hiện trạng CDCC ngành thủy sản của Cà Mau.

Phương pháp phân tích thông tin: Các số liệu thống kê được tính toán bằng phần mềm Excel và trình bày thành bảng, biểu để phân tích, so sánh và đưa ra những nhận xét cần thiết. Từ đó, tác giả đưa ra kết luận, định hướng và giải pháp cho sự CDCC ngành TS Cà Mau hợp lý và hiệu quả hơn.

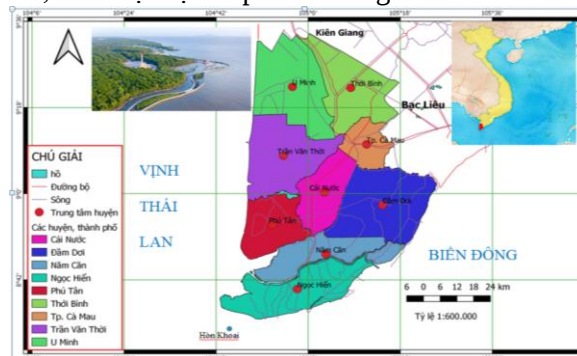
Phương pháp bản đồ (GIS) đã được sử dụng để xây dựng bản đồ hành chính tỉnh Cà Mau, thể hiện không gian nghiên cứu.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái quát những thuận lợi và khó khăn trong phát triển ngành TS tỉnh Cà Mau

3.1.1. Thuận lợi

Vị trí và điều kiện tự nhiên: Hình 1 cho thấy Cà Mau nằm ở cực Nam của Tổ quốc, phía Bắc giáp Kiên Giang; phía Đông Bắc giáp Bạc Liêu; phía Đông Nam và Nam giáp Biển Đông. Cà Mau có đường bờ biển dài 254 km, ba mặt giáp biển; là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc; diện tích rừng ngập mặn (đước, sú, vẹt, mắm,...) và rừng tràm lớn nhất cả nước, rất thuận lợi để phát triển ngành TS.



Hình 1. Bản đồ khu vực nghiên cứu

Nhiều đặc sản là TS của Cà Mau rất nổi tiếng như: cua, tôm sú, cá thòi lòi, ba khía... Trong đó, Cà Mau đứng đầu Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và cả nước về diện tích, sản lượng và giá trị tôm nuôi; đứng thứ 4 cả nước về sản lượng đánh bắt thủy sản (ĐBTS), sau Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận. Ngành nuôi trồng thủy sản (NTTS) chiếm phần lớn diện tích đất nông nghiệp của tỉnh, 304.911 ha (2022), chiếm 67,4%. Trong đó, diện tích nuôi tôm là 278,7 nghìn ha, chiếm 91% tổng diện tích NT [1].

Với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ăn thông ra biển, Cà Mau có nhiều cửa biển nổi tiếng như Gành Hào, Bò Đề, Hồ Gù, Rạch Góc, Rạch Tàu, Cái Đồi Vàm,... Các sông, rạch ăn thông với nhau, tạo nên mạng lưới chằng chịt như: Cửa Lớn (58 km), Đầm Dơi (45 km); Đầm Chim (30 km); Bảy Háp (50 km); Ông Đốc (60 km)... Ngoài ra, Cà Mau còn có 12 kênh đào khá lớn như: Quản Lộ - Phụng Hiệp (118 km), Bạc Liêu - Cà Mau (70 km), Đới Cường (5 km), Biện Nhị (17 km), Cái Cù (11 km), Chợ Hội – Huyện Sứ (10 km), Tắc Vân (10 km). Hệ thống sông ngòi dày đặc tạo nên diện tích mặt nước NTTS lớn và những tuyến giao thông đường thủy quan trọng.

Tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ: Những năm gần đây, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) và công nghệ 4.0 vào sản xuất, ngành NTTS Cà Mau đã có nhiều đổi mới trong dây chuyền sản xuất từ NT, đánh bắt, chế biến và các dịch vụ TS. Ví dụ: hình thức nuôi tôm siêu thâm canh (STC), nuôi tôm trong nhà kính, trải bạt, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào khâu giám sát nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ mặn, độ pH. Ngoài ra, thực hiện chuyển đổi số trong NTTS, công nghệ chế biến được thay đổi, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm. Ngành khai thác TS đã và đang được đầu tư để hiện đại hóa tàu thuyền và ngư cụ như: tàu cá có công suất lớn, tàu có gắn thiết bị giám sát hành trình, thiết bị định vị đàn cá, tăng hiệu quả khai thác.

Thị trường: Thị trường ngoài nước được mở rộng khi Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa, tăng cường hội nhập. TS Cà Mau đã xuất khẩu sang 60 quốc gia, đặc biệt là các thị trường lớn, yêu cầu chất lượng cao như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc,... Năm 2022, xuất khẩu TS Cà Mau đạt 1,1 tỷ USD, đóng góp nhiều vào nguồn thu ngoại tệ và tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3.1.2. Khó khăn

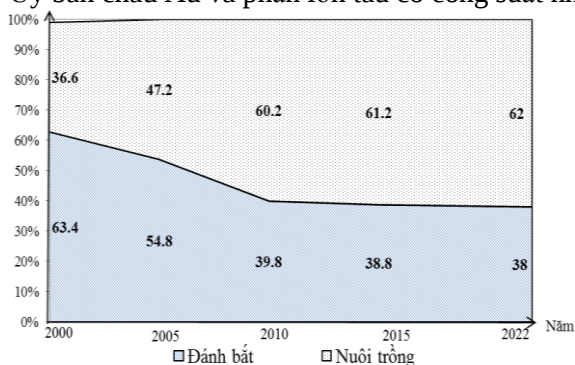
Trình độ thâm canh TS còn thấp, phần lớn lao động chưa qua đào tạo nên việc ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ chưa cao và rộng rãi. Lao động có trình độ thấp và có xu hướng di cư cao. Do tỷ lệ xuất cư cao, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giảm từ 682,3 nghìn (2015) xuống 596,8 nghìn (2022). Tỷ lệ xuất cư tăng từ 7,7 % (2015) lên 20,2 % (2021).

Thị trường ngoài nước và giá cả không ổn định. Nhiều nước có quy định khắt khe về chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc vùng NT, đánh bắt,... làm hạn chế việc xuất khẩu TS.

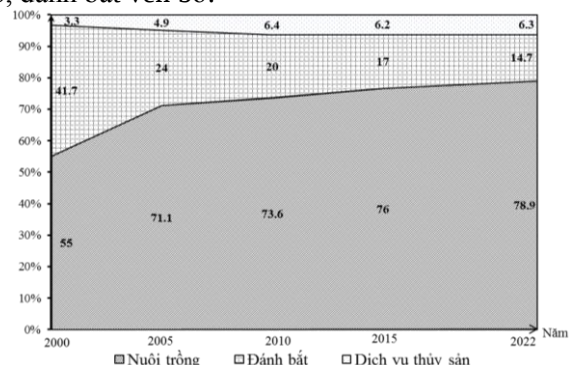
3.2. Sự CDCC theo ngành TS Cà Mau

Cơ cấu ngành TS Cà Mau đã và đang có sự chuyển dịch khá rõ nét theo chiều hướng tích cực. Trong đó, tỷ trọng NT tăng nhanh hơn đánh bắt, như trình bày trong Hình 2.

Giai đoạn 2000-2010, tỷ trọng ngành NT có xu hướng tăng nhanh chủ yếu là do tăng diện tích. Giai đoạn 2010-2022, tỷ trọng ngành NT tăng chậm do diện tích NTTS tăng lên không nhiều. Ngoài ra, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường nước, hạn mặn, nắng nóng kéo dài nên sản lượng giảm thấp... Tỷ trọng đánh bắt giảm chậm, từ 39,8% xuống 38,0% do đây là giai đoạn bị thế vàng của Ủy ban châu Âu và phần lớn tàu có công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ.



Hình 2. CDCC ngành TS tỉnh Cà Mau (2000-2022) [3], [9]



Hình 3. Cơ cấu GTSX TS tỉnh Cà Mau (2000-2022)[3], [9]

Hình 3 cho thấy, cơ cấu GTSX của ngành TS đang có sự chuyển dịch theo hướng: tăng tỷ trọng giá trị NT và dịch vụ TS; giảm tỷ trọng GTSX ngành đánh bắt. Sự chuyển dịch trên là tích cực, phù hợp với định hướng phát triển ngành TS của Cà Mau và chủ trương tái cơ cấu lại ngành TS của chính phủ [9].

Giai đoạn 2000-2005, tỷ trọng GTSX ngành NT tăng đột biến (từ 55,0% (2000) lên 71,1% (2005)) do đây là thời kì đầu thực hiện chuyển từ trồng lúa sang nuôi tôm. Tốc độ tăng trưởng GTSX giai đoạn này chủ yếu nhờ vào tăng sản lượng. Giai đoạn 2005-2022, tỷ trọng GTSX của NT tăng chậm hơn nhờ vào việc phát triển mạnh công nghiệp chế biến TS và mở rộng thị trường xuất khẩu. Sản lượng TS qua chế biến năm 2022 là 150.000 tấn/622.000 tấn. Như vậy, sản lượng TS đã qua chế biến chỉ chiếm 24,1% tổng sản lượng. Dịch vụ TS chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng có xu hướng tăng đều [8]. Đây là tín hiệu tốt cho sự phát triển ngành TS Cà Mau.

3.2.1. Ngành nuôi trồng

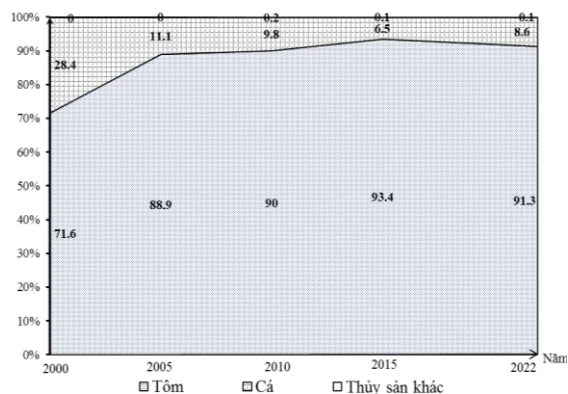
Hình 4 cho thấy, trong tổng diện tích NT, NTTS nước lợ chiếm trên 90%; diện tích nuôi tôm luôn chiếm tỷ lệ cao và tiếp tục tăng từ 2000-2022.

Giai đoạn 2000-2015, diện tích nuôi tôm liên tục tăng, từ 71,6% lên 88,9% do thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Giai đoạn 2015-2022, tỷ trọng giảm nhẹ do ảnh hưởng của dịch bệnh, xâm nhập mặn và sự biến động giá tôm.

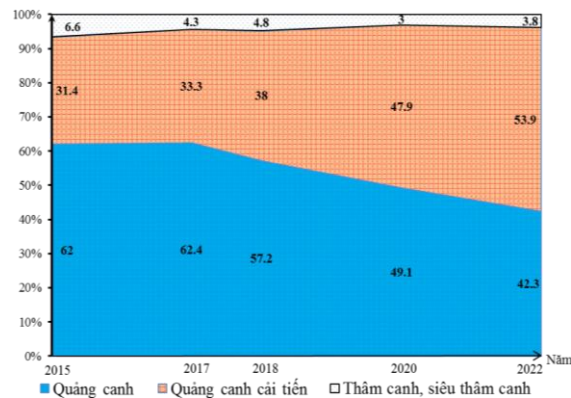
Diện tích nuôi cá chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm, giảm nhanh trong giai đoạn 2000-2005. Giai đoạn 2015-2022, diện tích cá nuôi tăng nhẹ. Diện tích NTTS khác nhỏ, chỉ 0,1%. Diện

tích NTTS nước mặn thấp, chỉ 132 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích NTTS toàn tỉnh trong khi diện tích vùng biển và thềm lục địa của tỉnh rất tiềm năng (rộng khoảng 7 triệu ha).

Hình 5 cho thấy, tỷ lệ nuôi quảng canh cải tiến (QCCT) có xu hướng tăng nhanh, nhất là từ 2015 đến 2022. Đây là hình thức nuôi có đầu tư vốn, con giống, thức ăn nên năng suất nuôi cao hơn quảng canh (QC) truyền thống. Như vậy, diện tích nuôi QC, QCCT là chủ yếu, nên năng suất chưa cao.



Hình 4. CDCC diện tích nuôi trồng TS tỉnh Cà Mau (2000 – 2022) [1]

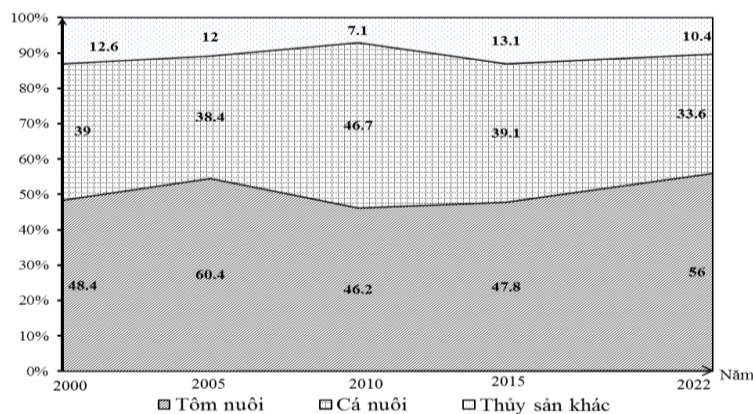


Hình 5. CDCC diện tích NTTS tỉnh Cà Mau theo hình thức nuôi (2015 – 2022)

Năng suất NT quảng canh (QC), QCCT trung bình đạt 1,28 tấn/ha (2022), thấp hơn các tỉnh: Sóc Trăng (3,53 đạt tấn/ha), Bạc Liêu (1,68 tấn/ha), Kiên Giang (1,55 tấn/ha). Như vậy, NTTS Cà Mau vẫn còn tiềm năng phát triển bằng cách áp dụng KHKT để nâng cao năng suất. Hình thức nuôi thâm canh (TC), siêu thâm canh (STC) chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm, từ 6,6% (2015) xuống 3,8% (2022) do trình độ lao động thấp, thiếu vốn, kỹ thuật.

Cơ cấu diện tích NTTS ở Cà Mau đang có sự chuyển dịch khá rõ nét từ hình thức QC sang QCCT và TC, STC. Diện tích nuôi QC có xu hướng giảm từ 62,0% (2015) xuống 42,3% (2022). Đây là hình thức nuôi truyền thống, vốn đầu tư ít, quy mô sản xuất nhỏ, không đầu tư KHKT, năng suất thấp. Hình thức này phù hợp với những địa phương có trình độ lao động thấp, thiếu vốn, kỹ thuật.

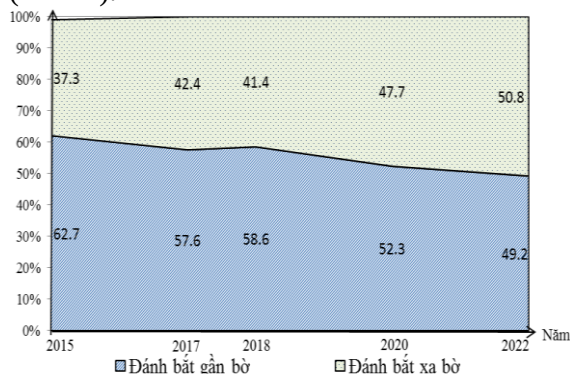
Cơ cấu sản lượng NTTS của Cà Mau cũng đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng sản lượng tôm nuôi, giảm tỷ trọng sản lượng cá nuôi và TS khác như trình bày trong Hình 6. Tuy nhiên, do tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội nên trong quá trình chuyển dịch, tỷ trọng của các đối tượng có sự biến động qua các năm. Giai đoạn 2000 – 2022, tốc độ tăng trưởng sản lượng TS của Cà Mau là 310%, thấp hơn nhiều so với các tỉnh trong vùng ĐBSCL như Bạc Liêu (1174%); Sóc Trăng (996%), Kiên Giang (490%); Bến Tre (451,9%) [9].



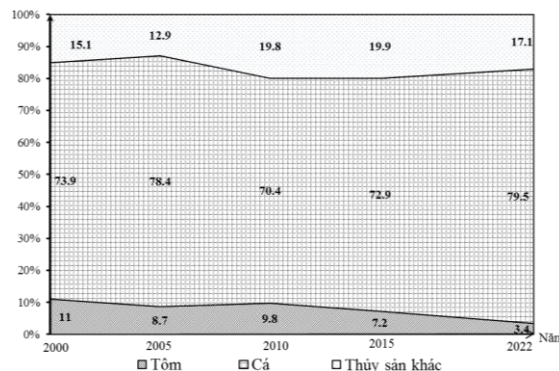
Hình 6. CDCC sản lượng NTTS tỉnh Cà Mau (2000 – 2022)

3.2.2. Ngành đánh bắt TS

Ngành đánh bắt TS Cà Mau đang có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng: giảm tỷ trọng tàu đánh bắt gần bờ, tăng tỷ trọng tàu đánh bắt xa bờ. Sự chuyển dịch này là tích cực, đúng định hướng và phù hợp với xu hướng chung trên cả nước. Tuy nhiên, sự chuyển dịch diễn ra còn chậm (Hình 7).



Hình 7. Cơ cấu số tàu phân theo phạm vi ĐBTs tỉnh Cà Mau (2015 – 2022)



Hình 8. Cơ cấu sản lượng khai thác TS của tỉnh Cà Mau (2000 – 2022)

Hình 8 cho thấy, cá luôn là loại TS chiếm tỷ trọng cao (hơn 70%) trong ngành đánh bắt của Cà Mau. Cơ cấu sản lượng ĐBTs Cà Mau tiếp tục CD rõ nét theo hướng: tăng tỷ trọng sản lượng cá và TS khác, giảm tỷ trọng sản lượng tôm do tăng cường đánh bắt xa bờ. Tuy nhiên, năng suất ĐBTs của Cà Mau chỉ đạt 45,6 tấn/tàu, thấp hơn nhiều so với năng suất trung bình của Bạc Liêu (112,9 tấn/tàu), Sóc Trăng (84,5 tấn/tàu), Kiên Giang (60,6 tấn/tàu), Bến Tre (91,0 tấn/tàu) [9].

3.3. Những hạn chế chính

Thực trạng CDCC ngành TS Cà Mau bộc lộ những hạn chế sau:

- Ngành dịch vụ TS chiếm tỷ trọng rất nhỏ cho thấy sự mất cân đối và kém bền vững trong quá trình phát triển.
- CDCC diện tích NTTS chưa hợp lý; chủ yếu là QC, QCCT; diện tích nuôi TC, STC chiếm tỷ trọng còn nhỏ và có xu hướng giảm do thiếu vốn đầu tư và trình độ lao động thấp.
- Cơ cấu sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn nhiều so với đánh bắt (do những hạn chế trang thiết bị và sự thiếu hiểu biết về Luật TS của ngư dân).
- Cơ cấu GTSX TS có sự chuyển dịch chậm trong ngành dịch vụ TS (do chủ yếu là xuất khẩu sản phẩm thô, đông lạnh. Các sản phẩm chế biến chưa đa dạng. Tỷ trọng sản lượng TS đã qua chế biến thấp).

Ngoài ra, những hạn chế khác trong quá trình sản xuất TS có ảnh hưởng đến tốc độ và xu hướng CDCC ngành TS như: Việc mở rộng diện tích NTTS làm thu hẹp diện tích rừng; ĐBTs chưa đi đôi với bảo vệ nguồn lợi TS, bảo vệ môi trường.

3.4. Giải pháp

Căn cứ vào đường lối chính sách phát triển nông nghiệp của Đảng và Nhà nước, theo Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP, ngày 15/6/2000 của Chính phủ ban hành một số chủ trương và chính sách về CDCC kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, định hướng phát triển ngành TS trong thời gian tới là đẩy mạnh phát triển ngành TS trong các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến, dịch vụ thủy sản, đặc biệt là NTTS theo hướng phát triển bền vững; phát triển vững chắc và nâng cao hiệu quả ĐBTs xa bờ, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề và bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá, đẩy mạnh phát triển công nghiệp CBTS, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm. Nghị quyết còn đề cập đến định hướng phát triển TS theo các vùng sinh thái.

Ngày 20/7/2022, Ban Chấp hành Đảng bộ Cà Mau đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 28-CTr/TU về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Chủ trương CDCC kinh tế nông nghiệp từ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp sang ngư, nông, lâm nghiệp nhằm phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Các căn cứ trên cho thấy, việc CDCC ngành thủy sản đang được quan tâm và cần đẩy mạnh hơn nữa ở Cà Mau.

Để thúc đẩy sự CDCC ngành TS, Cà Mau cần khắc phục các hạn chế trên, tập trung vào các nhóm giải pháp sau: quy hoạch diện tích nuôi trồng, tăng cường khuyến ngư, phổ biến các quy định trong ĐBTS, đầu tư phát triển ngành dịch vụ TS, chú trọng bảo vệ môi trường.

Đối với ngành NT: Quy hoạch nuôi tôm nước lợ, nuôi theo hình thức QCCT, TC và STC. Tăng diện tích NT các loài TS tiềm năng khác, phá thế độc canh nuôi tôm. Tăng sản lượng NTTS theo hai hướng: tăng diện tích và áp dụng tiến bộ KHKT vào NT nhằm tăng năng suất. Cà Mau còn nhiều khả năng tăng diện tích NTTS từ đất chưa sử dụng (16.000 ha), diện tích mặt biển (7 triệu ha). Chú trọng phát triển NTTS theo chiều sâu bằng cách tăng diện tích nuôi QCCT, TC, STC để vừa đảm bảo nguồn cung cho các nhà máy CBTS vừa tăng thu nhập ổn định cho ngư dân. Từ đó, xây dựng thương hiệu tôm, cua Cà Mau để tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Hỗ trợ ngư dân vay vốn đầu tư trang thiết bị, giống, thức ăn; đào tạo, tập huấn kỹ thuật nuôi tôm công nghiệp như: đo nồng độ muối, pH, ô xy trong nước...

Đẩy mạnh NTTS theo hướng phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và hệ sinh thái rừng ngập mặn. Tăng cường kiểm tra, tuyên truyền người dân bảo vệ môi trường nước.

Đối với ngành đánh bắt: Phát triển đội tàu công suất lớn, xây dựng cảng cá ở các cửa sông lớn, hiện đại hóa tàu thuyền và ngư cụ để đánh bắt xa bờ.

Tăng cường tập huấn và tư vấn cho ngư dân về luật khai thác thủy hải sản, góp phần duy trì việc khai thác liên tục tiềm năng về nguồn lợi TS, không vi phạm đánh bắt TS trên vùng biển nước ngoài...

Đối với ngành dịch vụ thủy sản: Tăng cường tuyên truyền người dân và chú trọng việc phát triển ngành dịch vụ thủy sản ở tất cả các khâu: cấp giống, trang thiết bị, sản xuất, thu hoạch/đánh bắt, bảo quản và chế biến. Việc chủ động phát triển và phân phối con giống, vật tư, thức ăn, thuốc, chế phẩm sinh học; việc áp dụng những tiến bộ KHKT vào các dịch vụ thu mua, bảo quản, chế biến... sẽ góp phần duy trì sự phát triển ổn định của ngành TS Cà Mau.

4. Kết luận

Quá trình CDCC ngành TS Cà Mau trong giai đoạn 2000 - 2022 đã đem lại những kết quả tích cực. Đóng góp của ngành TS ngày càng cao trong tổng sản phẩm của tỉnh, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế Cà Mau. Cơ cấu ngành TS ngày càng hợp lý hơn, phát huy thế mạnh của các địa phương, phát huy lợi thế hệ sinh thái nước mặn, lợ.

Ngoài ra, nhiều thành tựu nổi bật khác như: Sản lượng TS luôn tăng ổn định qua các năm; GTSX NT, ĐB và dịch vụ TS đều tăng; năng suất NT và đánh bắt có xu hướng tăng dần qua các năm; diện tích NTTS có xu hướng tăng, trong đó tôm nuôi chủ lực, có giá trị kinh tế cao chiếm diện tích lớn; đội tàu đánh bắt tăng qua các năm, đặc biệt là tàu có công suất lớn; công nghiệp CBTS và dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển góp phần nâng cao giá trị sản phẩm hàng TS, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, góp phần nâng cao mức sống cho người dân.

Tuy nhiên, quá trình CDCC ngành TS của tỉnh còn một số hạn chế, đó là: Cơ cấu diện tích phân theo đối tượng nuôi, hình thức nuôi, loại nước nuôi, chưa hợp lý; năng suất NT, ĐB còn thấp so với các địa phương trong vùng ĐBSCL và cả nước; đội tàu thuyền có công suất nhỏ; CDCC ngành TS còn mang tính tự phát, manh mún, chưa phát triển theo chiều sâu. CDCC ngành

TS chưa gắn với bảo vệ môi trường, nguồn lợi TS và hệ sinh thái rừng ngập mặn. Ngành dịch vụ TS còn nhiều hạn chế trong tất cả các khâu trong nuôi trồng (sản xuất thức ăn, con giống, bảo quản, chế biến) và đánh bắt (dịch vụ đóng, sửa chữa tàu thuyền, ngư cụ, hệ thống cảng cá...), chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành TS. Vì vậy, Cà Mau cần tận dụng các chính sách về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi và hỗ trợ ngư dân vốn để khắc phục những hạn chế này nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình CDCC ngành TS trong những năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Cà Mau Statistical Office, *Statistical Yearbook of Cà Mau*. Statistical Publishing House, 2022.
- [2] Cà Mau Statistical Office, *Cà Mau 40 years of construction and development*. Statistical Publishing House, 2015.
- [3] Agriculture Office of Cà Mau, *Final report on Agriculture of Cà Mau in 2022*, 2022.
- [4] T. T. H. Nguyen, "The transformations of economic in Bình Liêu District, Quảng Ninh province from 1996 to 2022," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 228, no. 16, pp. 03-10, 2023.
- [5] V. T. Nguyen, V. C. Nguyen, and N. D. Nguyen, "Reality and solutions of agricultural transformations by sectors in Cam Hà commune, Cam Xuyên district, Hà Tĩnh province," *Hue Journal of Science*, vol. 25, no. 1, pp. 70-77, 2013.
- [6] T. H. T. Hoang and P. H. Y. Hoang, "Agricultural structural transformation by sector in Quảng Bình province," *HNUE Journal of Science*, vol. 65, no. 5, pp. 117-128, 2020, doi: 10.18173/2354-1067.2020-0034.
- [7] V. D. Ngo, V. T. Nguyen, T. H. Ha, and N. H. Tran, "Agricultural economic structure transformation in Phú Yên town, Thái Nguyên province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 03, pp. 210-218, 2020.
- [8] T. L. Le, "Agricultural transformation of Thanh Hóa in the period 2010-2014," *HNUE Journal of Science*, vol. 61, no. 5, pp. 157-166, 2016.
- [9] General Statistical of Vietnam, *Statistical Yearbook of Vietnam in 2022*. Statistical Publishing House, 2022.